

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 839/2019/DS-ST
Ngày: 20/11/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương
2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 453/2019/TLST-DS ngày 24/6/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 559/2019/QĐST-DS ngày 30/9/2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số 359/2019/QĐST-DS ngày 23/10/2019, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, địa chỉ: Đường X, phường Y, quận T, Thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Lương Thị Thanh T, sinh năm 1990, địa chỉ: Đường A, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 13/5/2019). (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Diễm Đ, sinh năm 1986, địa chỉ: Đường C, phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] - Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và trình bày của đại diện nguyên đơn:

Ngày 22/01/2013, Bà Bùi Thị Diễm Đ ký hợp đồng tín dụng số 20130121-104008-0001 với Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (gọi tắt là Ngân hàng) vay số tiền 21.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận 2,92%/tháng để tiêu dùng

cá nhân. Theo thỏa thuận, bà Đ có trách nhiệm thanh toán số tiền 29.849.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng. 23 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.229.000 đồng, tháng cuối trả số tiền 1.582.000 đồng, thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/3/2013.

Thực hiện hợp đồng, bà Đ đã nhận đủ số tiền và thanh toán cho ngân hàng với tổng số tiền 17.206.000 đồng, kể từ ngày 01/7/2014, bà Đ không thanh toán thêm khoản nào cho tới nay, dù Ngân hàng đã nhắc nhở, yêu cầu thanh toán.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Bà Bùi Thị Diễm Đ thanh lý hợp đồng, trả cho ngân hàng một lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực, toàn bộ số tiền nợ bao gồm các khoản sau: Nợ gốc 10.792.587 đồng; nợ lãi 1.850.413 đồng. Tổng cộng là 12.643.413 đồng.

- Bị đơn Bà Bùi Thị Diễm Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

[2] Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ngân hàng có người đại diện bà Lương Thị Thanh T giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Bà Bùi Thị Diễm Đ trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền nợ bao gồm nợ gốc 10.792.587 đồng, nợ lãi 1.850.413 đồng, tổng cộng là 12.643.413 đồng

- Bị đơn Bà Bùi Thị Diễm Đ vắng mặt.

[3] - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng qui định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và bị đơn Bà Bùi Thị Diễm Đ là tranh chấp hợp đồng vay tài sản nhằm mục đích tiêu dùng, bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Bà Bùi Thị Diễm Đ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

Quan hệ tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng vay, thể hiện bằng Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20130121-104008-0001 ngày 22/01/2013 được ký kết giữa Ngân hàng với Bà Bùi Thị Diễm Đ với nội dung Ngân hàng cho bà Đ vay tiền. Tuy lãi suất thỏa thuận 2,92%/tháng (tương đương 35%/năm) nhưng thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng trước ngày 01/01/2017 nên căn cứ hướng

dẫn tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, mức lãi suất này phù hợp với các quy định của pháp luật về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng nên được chấp nhận. Xét hợp đồng nêu trên về nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật căn cứ theo các Điều 385, Điều 401, Điều 463 Bộ luật Dân sự, nên có hiệu lực thi hành.

Theo hợp đồng, bà Đ vay số tiền 21.000.000 đồng, trong đó có 1.000.000 đồng là tiền bảo hiểm khoản vay, lãi suất thỏa thuận 2,92%/tháng, bà Đ có trách nhiệm thanh toán số tiền 29.849.000 đồng, bao gồm gốc 21.000.000 đồng và lãi là 8.849.000 đồng, trả chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng.

Thực hiện hợp đồng, ngày 24/01/2013, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Đ bằng hình thức chuyển khoản số tiền 20.000.000 đồng, ngày 25/01/2013 bà Đ đã rút tiền mặt.

[2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc Bà Bùi Thị Diễm Đ phải trả cho Ngân hàng toàn bộ khoản nợ còn lại là: 12.643.413 đồng. Trong đó: Nợ gốc 10.792.587 đồng, nợ lãi 1.850.413 đồng.

Từ ngày 20/2/2013 đến ngày 30/6/2014, bà Đ đã thanh toán được tổng cộng 17.206.000 đồng, gồm 10.207.413 đồng nợ gốc và 6.998.587 đồng lãi, trong tổng số tiền nợ gốc vay và tiền lãi 29.849.000 đồng. Vì vậy, bà Đ còn nợ lại gồm nợ gốc 10.792.587 đồng, nợ lãi 1.850.413 đồng, tổng cộng 12.643.413 đồng.

Đến nay đã hết hạn hợp đồng nhưng bà Đ vẫn chưa thanh toán được số tiền còn nợ, nên căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự, yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc bà Đ trả tiền nợ gốc và lãi còn thiếu là có căn cứ nên được chấp nhận, đối với lãi quá hạn và lãi đến ngày xét xử Ngân hàng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với lãi suất khi thi hành án, căn cứ hướng dẫn tại Điều 9, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, do lãi suất trong hạn do hai bên thỏa thuận không phù hợp với lãi suất quy định của pháp luật tại thời điểm xét xử nên cần áp dụng lãi suất bằng 150% mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 385, 401, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; các Điều 7, 8, 9, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao,

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V:

Buộc bị đơn Bà Bùi Thị Diễm Đ phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V nợ gốc 10.792.587 (Mười triệu, bảy trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm tám mươi bảy) đồng, nợ lãi 1.850.413 (Một triệu, tám trăm năm mươi ngàn, bốn trăm mười ba) đồng, tổng cộng 12.643.413 (Mười hai triệu, sáu trăm bốn mươi ba ngàn, bốn trăm mười ba) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 150% mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Bà Bùi Thị Diễm Đ phải chịu 632.171 (Sáu trăm ba mươi hai ngàn, một trăm bảy mươi mốt) đồng.

- Trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tiền tạm ứng án phí đã nộp 316.075 (Ba trăm mười sáu ngàn, không trăm bảy mươi lăm) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003172 ngày 19/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự của vụ án;
- VKSND Q.Đ;
- Chi cục Thi hành án Q.Đ;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Trung Tuấn